

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP



QUY CHẾ
TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1672/QĐ-ĐHKTCN ngày 16 tháng 6 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp)*

THÁI NGUYÊN, NĂM 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ
của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp**

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 12/11/2020 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng; thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 127/QĐ-ĐHTN ngày 28/01/2022 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Đại học Thái Nguyên;
Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Quy chế này được áp dụng cho các khóa tuyển sinh sau ngày 15/10/2021 của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp. Đối với khóa đã tuyển sinh trước ngày 15/10/2021 tiếp tục thực hiện tổ chức đào tạo theo Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ tại Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp ban hành kèm theo Quyết định 439/QĐ-ĐHKTCN ngày 06/02/2020.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- ĐHTN (để b/c);
- Hội đồng trường (để b/c);
- BGH;
- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Duy Cường

QUY CHẾ

Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp
(Kèm theo Quyết định số 1672 /QĐ-ĐHKTCN ngày 16 tháng 6 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này nhằm cụ thể hóa các nội dung của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT); Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo quyết định số 127/QĐ-ĐHTN, ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên (ĐHTN).

2. Văn bản này quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên (sau đây được gọi là Trường, Trường ĐHKTCN hay Nhà trường), bao gồm: tuyển sinh; chương trình đào tạo; tổ chức và quản lý đào tạo; nhiệm vụ và quyền hạn của Trường ĐHKTCN, giảng viên và học viên; khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

3. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị, cá nhân tham gia vào quá trình tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ, cấp bằng thạc sĩ của Trường ĐHKTCN.

4. Quy chế này không áp dụng đối với các chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết giữa Trường ĐHKTCN với cơ sở đào tạo của nước ngoài do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng.

Điều 2. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ do Nhà trường xây dựng và ban hành theo định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và quy định về chuẩn chương trình đào tạo (CTĐT) của Bộ GD&ĐT, đáp ứng các điều kiện sau:

a) Khối lượng học tập tối thiểu 60 tín chỉ đối với người có trình độ đại học thuộc cùng nhóm ngành.

b) Chuẩn đầu ra (CDR) bao gồm kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ.



vụ chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ thạc sĩ phải đạt Bậc 7 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và quy định về chuẩn CTĐT của Bộ GD&ĐT. Ngoại ngữ được chấp nhận trong chuẩn đầu vào và CDR của mỗi người học phải cùng một ngôn ngữ.

2. Xây dựng chương trình đào tạo

a) Xác định rõ mục tiêu, CDR của mỗi chuyên ngành; khối lượng kiến thức, cấu trúc chương trình và yêu cầu đối với học phần tốt nghiệp, phù hợp với định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng, phù hợp với các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và ĐHTN. CTĐT được quy định danh mục ngành phù hợp đối với người học đã tốt nghiệp trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên).

b) CTĐT theo định hướng nghiên cứu có mục tiêu và nội dung theo hướng chuyên sâu về nguyên lý, lý thuyết cơ bản trong lĩnh vực khoa học, phát triển công nghệ nguồn làm nền tảng để phát triển các lĩnh vực khoa học ứng dụng và công nghệ.

c) CTĐT theo định hướng ứng dụng có mục tiêu và nội dung theo hướng phát triển kết quả nghiên cứu cơ bản, ứng dụng công nghệ nguồn thành các giải pháp công nghệ, quy trình quản lý, thiết kế các công cụ hoàn chỉnh phục vụ nhu cầu đa dạng của con người.

d) Đề cương chi tiết học phần của CTĐT trình độ thạc sĩ bao gồm: mục tiêu; CDR; số tín chỉ; các học phần bắt buộc, các học phần tự chọn; nội dung, hình thức tổ chức dạy học; hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá; học liệu của học phần.

3. Cấu trúc và nội dung CTĐT đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Định hướng nghiên cứu: Khối lượng nghiên cứu khoa học từ 24 đến 30 tín chỉ, bao gồm 12 đến 15 tín chỉ cho luận văn, 12 đến 15 tín chỉ cho các đồ án, dự án, chuyên đề nghiên cứu khác.

b) Định hướng ứng dụng: Thực tập từ 06 đến 09 tín chỉ; học phần tốt nghiệp từ 06 đến 09 tín chỉ dưới hình thức đề án, đồ án hoặc dự án.

c) Nội dung CTĐT thạc sĩ phải thực hiện mục tiêu và đạt được CDR đã xác định; đảm bảo cho học viên được bổ sung và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; nâng cao năng lực thực hiện công tác chuyên môn và nghiên cứu khoa học trong ngành, chuyên ngành đào tạo. Phần kiến thức ở trình độ đại học (nếu cần phải nhắc lại) không vượt quá 5% thời lượng mỗi học phần.

d) CTĐT trình độ thạc sĩ gồm ba phần: Kiến thức chung, kiến thức cơ sở và chuyên ngành, luận văn thạc sĩ hoặc đề án, đồ án, dự án. Hiệu trưởng quyết định tỷ lệ kiến thức cơ sở, chuyên ngành trong CTĐT.

4. Thẩm quyền xây dựng và ban hành CTĐT

a) CTĐT do Hiệu trưởng tổ chức xây dựng theo quy định hiện hành về điều kiện mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT.

b) Sau mỗi khóa học, Hiệu trưởng tổ chức rà soát, sửa đổi, cập nhật, bổ sung, hoàn thiện CTĐT để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng và tiếp cận với CTĐT trên thế giới. Việc sửa đổi, bổ sung CTĐT (nếu có) thực hiện theo quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT hiện hành.

c) Khuyến khích việc xây dựng nội dung CTĐT của ngành, chuyên ngành trong đó huy động được tối đa nguồn lực về giảng viên, cơ sở vật chất của Trường và DHTN tham gia và phục vụ đào tạo.

d) CTĐT thực hiện trước khi triển khai đào tạo được thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Trường.

5. CTĐT áp dụng chung đối với các hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng người học khác nhau. CTĐT được thực hiện để cấp bằng thạc sĩ theo Quy chế này; không cấp thêm một văn bằng giáo dục đại học khác. Những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến CTĐT được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố cho học viên trước khi áp dụng.

Điều 3. Hình thức, thời gian và ngôn ngữ đào tạo

1. Hình thức đào tạo chính quy áp dụng cho chương trình định hướng nghiên cứu và chương trình định hướng ứng dụng. Hình thức đào tạo vừa làm vừa học áp dụng cho chương trình định hướng ứng dụng. Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy đối với mỗi hình thức đào tạo thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ GD&ĐT.

2. Đối với mỗi hình thức đào tạo, Nhà trường cung cấp kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa cho từng CTĐT để định hướng cho học viên. Thời gian đào tạo được quy định như sau:

a) Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa phải phù hợp với thời gian quy định trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời bảo đảm đa số học viên hoàn thành CTĐT. Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ từ 1,5 đến 2,0 năm (từ 18 tháng đến 24 tháng).

b) Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học dài hơn ít nhất 20% so với hình thức đào tạo chính quy của cùng CTĐT.

c) Thời gian tối đa để học viên hoàn thành khóa học không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi hình thức đào tạo.

3. Ngôn ngữ chính thức dùng trong đào tạo là tiếng Việt. Tổ chức đào tạo bằng ngôn ngữ nước ngoài do Giám đốc DHTN quyết định theo quy định của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề nghị của Hiệu trưởng Trường ĐHKTCN.

Điều 4. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Học viên được xem xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ của một số học phần khi đã học một CTĐT thạc sĩ khác hoặc đã tốt nghiệp một CTĐT kỹ sư. Số tín chỉ sẽ được công nhận và chuyển đổi không vượt quá 30 tín chỉ.

2. Điều kiện được xem xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ:

- Học phần đã học phải có tên trùng hoặc phù hợp, có CĐR tương ứng với với học phần của CTĐT trình độ thạc sĩ.

- Có số tín chỉ bằng hoặc lớn hơn số tín chỉ của học phần trong CTĐT trình độ thạc sĩ.

- Giảng viên giảng dạy đối với học phần xem xét công nhận của CTĐT kỹ sư phải đáp ứng Điều 25 của Quy chế này.

- Hội đồng khoa học đào tạo của khoa quản lý CTĐT trình độ thạc sĩ có trách nhiệm xét xét và đề nghị Nhà trường công nhận và chuyển đổi tín chỉ (thông qua phòng Đào tạo).

3. Sinh viên từ năm thứ 3 trở lên, đang học CTĐT trình độ đại học ở Trường ĐHKTCN hoặc một đơn vị đào tạo thuộc ĐHTN (hoặc trình độ tương đương trở lên) có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên có thể đăng ký học trước một số học phần của CTĐT thạc sĩ tại Trường ĐHKTCN. Số tín chỉ được công nhận không vượt quá 15 tín chỉ.

4. Những học phần được xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đáp ứng CĐR, yêu cầu về giảng viên, khối lượng học tập và các yêu cầu khác của học phần trong CTĐT thạc sĩ.

b) Điểm đánh giá đạt từ 5,5 điểm (hoặc quy đổi tương đương) trở lên.

c) Thời điểm hoàn thành không quá 05 năm tính tới thời điểm xét công nhận, chuyển đổi.

Chương II **TUYỂN SINH**

Điều 5. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

1. Yêu cầu đối với người dự tuyển:

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp.

b) Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

c) Đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.

d) Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

đ) Nộp hồ sơ, lệ phí đăng ký dự tuyển đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Trường ĐHKTCN và ĐHTN.

e) Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành và theo quy định của CTĐT.

2. Ngành phù hợp được nêu tại điểm a khoản 1 Điều này và tại các điều khác của Quy chế này là ngành đào tạo ở trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) trang bị cho người học nền tảng chuyên môn cần thiết để học tiếp CTĐT thạc sĩ của ngành tương ứng, được quy định cụ thể trong chuẩn đầu vào của CTĐT thạc sĩ. Căn cứ văn bằng tốt nghiệp và bảng điểm đại học/phụ lục văn bằng (sau đây gọi là phụ lục văn bằng), Hội đồng Khoa xác định số tín chỉ và các học phần phải học bổ sung trước khi dự tuyển đề nghị Hiệu trưởng quyết định thông qua phòng Đào tạo. Danh mục ngành phù hợp đối với từng CTĐT được thể hiện trong Đề án tuyển sinh và thông báo tuyển sinh hàng năm của Trường.

3. Người dự tuyển đáp ứng yêu cầu quy định tại điểm b khoản 1 Điều này khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài (ít nhất 75% tổng số tín chỉ được giảng dạy bằng ngôn ngữ nước ngoài).

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do ĐHTN hoặc đơn vị đào tạo của ĐHTN cấp trong thời gian không quá 02 năm mà CDR của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại phụ lục III của Quy chế này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ GD&ĐT công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

4. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các CTĐT thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà CTĐT được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của Nhà trường (nếu có).

Điều 6. Đối tượng và chính sách ưu tiên

1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Người dự tuyển phải nộp quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.

c) Con liệt sĩ.

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động.

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên ở địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

2. Mức ưu tiên

Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên, kể cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên được cộng 10 điểm (thang điểm 100) vào kết quả thi môn ngoại ngữ nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ và cộng 1,0 điểm (thang điểm 10) vào kết quả thi môn Cơ sở hoặc kết quả học tập của 01 học phần được lựa chọn để xét tuyển.

Điều 7. Phương thức tuyển sinh, số lần tuyển sinh, thông báo tuyển sinh và đề án tuyển sinh

1. Phương thức tuyển sinh bao gồm thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển do ĐHTN quyết định bảo đảm đánh giá minh bạch, công bằng, khách quan và trung thực về kiến thức, năng lực của người dự tuyển. Giám đốc ĐHTN quyết định việc tổ chức tuyển sinh theo hình thức trực tuyển khi đáp ứng những điều kiện đảm bảo chất lượng như đối với tuyển sinh trực tiếp.

2. Việc tuyển sinh được tổ chức một hoặc nhiều lần trong năm do Giám đốc ĐHTN quyết định.

3. Thông báo tuyển sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của ĐHTN và của Nhà trường ít nhất 45 ngày tính đến ngày kết thúc nhận hồ sơ dự tuyển, bao gồm những thông tin sau:

a) Đối tượng và điều kiện dự tuyển.

b) Chỉ tiêu tuyển sinh theo CTĐT, hình thức đào tạo.

c) Danh mục ngành phù hợp của từng CTĐT và quy định những trường hợp phải hoàn thành học bổ sung.

d) Hồ sơ dự tuyển.

đ) Kế hoạch và phương thức tuyển sinh.

e) Mức học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình từng năm học, cả khóa học.

g) Thông tin cần thiết khác của CTĐT và Nhà trường.

4. Hiệu trưởng giao phòng Đào tạo căn cứ vào Quy chế này và các quy định có liên quan khác chịu trách nhiệm xây dựng Đề án tuyển sinh trình độ thạc sĩ, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin về phương thức tuyển sinh, thời gian tổ chức tuyển sinh, các điều kiện đảm bảo chất lượng và những thông tin cần thiết khác.

5. Khoa chuyên môn chủ động quảng bá tuyển sinh, thu nhận và hoàn thiện hồ sơ của người đăng ký dự thi hoặc xét tuyển đối với các ngành do Khoa phụ trách, đề xuất các học phần học bổ sung nộp cho Nhà trường thông qua phòng Đào tạo.

Điều 8. Ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển

1. Ngành tốt nghiệp của người dự tuyển được xác định là ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển khi có cùng tên trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp III hoặc cấp IV của hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Giám đốc ĐHTN quyết định danh mục ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển không thuộc các ngành được quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Danh mục các ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển phải được công khai trong thông báo tuyển sinh và trên trang thông tin điện tử của ĐHTN.

Điều 9. Học bổ sung trước khi dự tuyển

1. Hiệu trưởng quy định những trường hợp phải hoàn thành yêu cầu học bổ sung trước khi dự tuyển. Các học phần bổ sung kiến thức là học phần trong CTĐT bậc đại học của ngành phù hợp với ngành thí sinh đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ. Tùy vào bằng đại học đã có thí sinh phải học khối lượng các học phần bổ sung cụ thể theo quy định trong Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.

a) Người học phải đóng học phí các học phần bổ sung theo mức học phí quy định hiện hành đối với hệ đại học chính quy.

b) Phòng Đào tạo phối hợp với khoa chuyên môn tổ chức các lớp học bổ sung kiến thức và có thể mở lớp quanh năm để thí sinh có đủ thời gian tham gia học tập. Phòng Đào tạo cấp bằng điểm và lưu hồ sơ dự tuyển của thí sinh.

2. Trên cơ sở đề nghị của Trưởng khoa chuyên môn và Trưởng phòng Đào tạo, Hiệu trưởng quyết định:

a) Việc học bổ sung kiến thức đối với người dự tuyển có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp hoặc ngành đúng, ngành phù hợp nhưng đã tốt nghiệp cách nhiều năm hoặc bằng tốt nghiệp do cơ sở khác cấp nếu thấy cần thiết.

b) Nội dung kiến thức cần bổ sung cho người đăng ký dự thi theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 của Điều này.

c) Tổ chức việc học bổ sung, công khai quy định về học bổ sung trên trang thông tin điện tử của Trường.

Điều 10. Hồ sơ dự tuyển

1. Các thủ tục đăng ký, lập danh sách trích ngang người dự tuyển, xét duyệt hồ sơ đăng ký dự tuyển thực hiện theo quy định của Trường ĐHKTCN và của ĐHTN. Hồ sơ đăng ký dự tuyển bao gồm:

- a) Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu tại Phụ lục II).
- b) Sơ yếu lý lịch trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển, dán ảnh, đóng dấu giáp lai, có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý nhân sự hoặc chính quyền địa phương nơi người dự tuyển cư trú.
- c) Công văn cử đi dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).
- d) Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp đại học và phụ lục văn bằng kèm theo; các bằng cấp liên quan, chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định.
- đ) Bản sao chụp bìa, mục lục và toàn văn công bố khoa học. Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và thâm niên công tác (nếu có).
- e) Giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có).
- g) Các tài liệu liên quan khác theo yêu cầu của đơn vị đào tạo:
 - Giấy khám sức khỏe của bệnh viện trong vòng 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự tuyển;
 - Bản sao có công chứng văn bằng tốt nghiệp trình độ đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài, chứng chỉ ngoại ngữ;
 - Người có bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cần có minh chứng về học toàn thời gian ở nước ngoài, gồm một trong các tài liệu liên quan sau: (i) xác nhận của cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước sở tại đã theo học; (ii) xác nhận của cơ sở giáo dục nước ngoài nơi đã học tập; (iii) bản sao hợp lệ hộ chiếu có đóng dấu ngày xuất, nhập cảnh; (iv) minh chứng đã đăng ký vào hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử quản lý lưu học sinh của Bộ GD&ĐT;
 - 03 (ba) ảnh chân dung mới chụp cỡ 4cm x 6cm và 02 (hai) phong bì có dán tem và ghi địa chỉ của người nhận.

Người đăng ký dự tuyển cần mang theo các bản chính của giấy tờ trong hồ sơ để xuất trình, kiểm tra khi nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển.

2. Chậm nhất 03 tuần trước ngày thi hoặc xét tuyển, ĐHTN công bố danh sách người dự tuyển, phòng thi và số báo danh (nếu có) trên trang thông tin điện tử của ĐHTN. Người dự tuyển tiếp nhận thông tin về đợt tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của ĐHTN và của Trường ĐHKTCN để thực hiện đúng, đầy đủ trong đợt tuyển sinh.

3. Trong thời gian quy định, phòng Đào tạo có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển. Khi nhận hồ sơ cần đối chiếu các bản sao với bản chính, kiểm tra phát

hiện giấy tờ, thủ tục còn thiếu hoặc chưa hợp lệ (nếu có) và thông báo, hướng dẫn ngay cho người dự tuyển bổ sung, hoàn thiện để nộp kịp thời hạn. Chỉ được thu nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển đã đầy đủ giấy tờ, thủ tục hợp lệ.

4. Số lượng hồ sơ đăng ký dự tuyển: 02 (hai) bộ hồ sơ, trong đó 01 (một) bộ báo cáo ĐHTN, 01 (một) bộ lưu tại Trường.

Điều 11. Phương thức thi tuyển

1. Các môn thi tuyển sinh:

Thi tuyển sinh bao gồm 03 môn thi, cụ thể như sau:

a) Môn thi ngoại ngữ là tiếng Anh (điều kiện chuẩn ngoại ngữ đầu vào). Dạng thức đề thi môn tiếng Anh phải đảm bảo xác định được trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; trình độ và dạng thức đề thi ngoại ngữ khác do Giám đốc ĐHTN quy định và công khai trong thông báo tuyển sinh của ĐHTN và của Trường ĐHKTCN.

b) Môn Cơ bản và môn Chủ chốt của ngành được thể hiện trong Đề án tuyển sinh, thông báo tuyển sinh hàng năm và được thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của ĐHTN và của Nhà trường.

2. Người dự tuyển đạt năng lực ngoại ngữ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Quy chế này được miễn thi môn ngoại ngữ.

Điều 12. Phương thức xét tuyển, xét tuyển kết hợp thi tuyển

1. Tổ chức tuyển sinh theo phương thức xét tuyển đảm bảo các tiêu chí sau:

a) Căn cứ kết quả học tập ở trình độ đại học hoặc tương đương để xét tuyển.

b) Trường khoa chuyên môn lựa chọn, đề xuất Nhà trường 02 học phần quan trọng trong các học phần bắt buộc theo yêu cầu của ngành đào tạo trình độ thạc sĩ (01 môn cơ bản và 01 môn chủ chốt) để đánh giá kiến thức chuyên môn ở trình độ đại học của người dự tuyển. Kết quả mỗi học phần ở trình độ đại học sử dụng để xét tuyển hoặc kết quả thi của học phần bổ sung kiến thức (nếu có) phải đạt ít nhất 50% thang điểm của học phần đó.

c) Đối với CTĐT thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu, ngoài yêu cầu tại điểm a, điểm b khoản này, ĐHTN thực hiện xét tuyển đối với người dự tuyển có bằng tốt nghiệp đại học xếp loại khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu. Công bố khoa học được quy đổi điểm theo quy định để sử dụng làm một tiêu chí xét tuyển.

2. Tổ chức thi tuyển xác định điều kiện chuẩn ngoại ngữ đầu vào đối với môn tiếng Anh và đối với người dự tuyển chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 của Quy chế này. Trường hợp tất cả người đăng ký dự tuyển đạt chuẩn ngoại ngữ đầu vào theo quy định, ĐHTN tổ chức xét tuyển theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 13. Hội đồng tuyển sinh, đề thi tuyển sinh, tổ chức thi tuyển sinh, chấm thi tuyển sinh và công nhận thí sinh trúng tuyển

Được thực hiện theo quy định tại các Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 và Điều 19 của Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 127/QĐ-ĐHTN ngày 28/01/2022 của Giám đốc ĐHTN.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Điều 14. Tổ chức đào tạo

1. Địa điểm đào tạo tại Trường ĐHKTCN; các hoạt động thực hành, thực tập, nghiên cứu và trải nghiệm thực tế được tổ chức ở ngoài Trường nhưng không vượt quá 20% khối lượng CTĐT. Nhà trường tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ.

2. Tiêu chuẩn, trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên giảng dạy ở trình độ thạc sĩ phải tuân thủ các quy định hiện hành tại Điều 54, Điều 55, Điều 57 và Điều 58 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; quy định về chuẩn CTĐT của Bộ GD&ĐT và các quy định khác có liên quan.

3. Phòng Đào tạo phối hợp với các khoa xây dựng kế hoạch đào tạo tổng thể toàn khóa học trình Hiệu trưởng xem xét, phê duyệt.

4. Khoa chuyên môn chủ động tổ chức đào tạo và chịu trách nhiệm về công tác chuyên môn trong tổ chức đào tạo các ngành do khoa quản lý trên cơ sở kế hoạch đào tạo tổng thể của Nhà trường. Việc lập kế hoạch giảng dạy từng kỳ và tổ chức giảng dạy, đánh giá và xử lý kết quả học tập được thực hiện theo các quy định liên quan tại Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ GD&ĐT và quy định tại các khoản từ khoản 4 đến khoản 6 của Điều này và Điều 15 Quy chế này. Việc tổ chức đánh giá luận văn, đề án thực hiện theo quy định tại Điều 16 Quy chế này.

5. Thời khóa biểu thể hiện thời gian, địa điểm, hoạt động dạy và học của từng lớp học thuộc các khoá học, hình thức và CTĐT. Kế hoạch giảng dạy và học tập các học phần trong CTĐT được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng đối với mỗi học phần không vượt quá 15 giờ trong một tuần và 04 giờ trong một ngày.

6. Trước mỗi khóa, phòng Đào tạo công khai CTĐT trên trang thông tin điện tử của Nhà trường; khối lượng tín chỉ tối đa và tối thiểu trong mỗi học kỳ học viên được phép đăng ký. Tổng số tín chỉ đăng ký tối đa trong một năm học không quá 45 tín chỉ đối với hình thức chính quy và không quá 30 tín chỉ đối với hình thức vừa làm vừa học.

6. Nhà trường được tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của CTĐT khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng

dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp.

Điều 15. Đánh giá kết quả học tập

1. Việc đánh giá học phần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Khách quan, chính xác, công bằng, phân loại được trình độ của học viên; công khai, minh bạch các quy định về đánh giá và kết quả đánh giá học phần.

b) Đề thi, kiểm tra phải phù hợp với nội dung và đảm bảo mục tiêu học phần đã xác định trong đề cương chi tiết.

c) Đúng hình thức và phương pháp đánh giá đã được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

d) Kết hợp kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập với thi kết thúc học phần.

đ) Kết hợp một số hình thức đánh giá (bài tập, tiểu luận, kết quả thực hành, báo cáo chuyên đề, thi viết, thi vấn đáp,...) phù hợp với yêu cầu của học phần.

e) Kết hợp đánh giá ý thức học tập chuyên cần và tính độc lập, sáng tạo của học viên.

2. Điểm kiểm tra thường xuyên, điểm chuyên cần (nếu có) và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10,0 làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần là tổng của điểm kiểm tra thường xuyên, điểm chuyên cần (nếu có) và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng, làm tròn đến một chữ số thập phân. Học phần đạt yêu cầu (học phần tích lũy) khi có điểm học phần từ 4,0 trở lên. Nếu điểm học phần dưới 4,0 thì học viên phải học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn). Hình thức kiểm tra, số lần kiểm tra, phương pháp đánh giá ... phải được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết của học phần.

3. Kết quả các học phần trong CTĐT chỉ được xếp loại đạt khi có điểm đánh giá từ 5,5 trở lên. Nếu điểm trung bình chung các học phần chưa đạt thì học viên phải đăng ký học lại một hoặc một số học phần có điểm dưới 5,5 hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn). Điểm được công nhận sau khi học lại là điểm học phần cao nhất trong hai lần học. Học viên phải đóng học phí các học phần đăng ký học lại theo mức học phí quy định đối với đào tạo trình độ thạc sĩ.

4. Điểm đánh giá luận văn, đề án được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

5. Cách tính điểm học phần

Điểm học phần là tổng điểm của các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ và chuyển sang thang điểm 4 như sau:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4	Phân loại
1	Từ 8,5 đến 10	A	4,0	Đạt
2	Từ 7,0 đến 8,4	B	3,0	
3	Từ 5,5 đến 6,9	C	2,0	
4	Từ 4,0 đến 5,4	D	1,0	Không đạt
5	Dưới 4	F	0,0	

6. Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi bảo đảm sự tin cậy, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần, trừ luận văn hoặc đề án thực hiện theo quy định tại Điều 16 Quy chế này.

7. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, Nhà trường thực hiện đào tạo và đánh giá trực tuyến các học phần theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, của ĐHTN và của Trường ĐHKTCN.

8. Các hoạt động giảng dạy đối với hình thức đào tạo chính quy của các CTĐT theo hướng nghiên cứu sẽ tổ chức tập trung toàn bộ thời gian cho việc học tập nghiên cứu để thực hiện CTĐT. Riêng đối với CTĐT theo định hướng ứng dụng, có thể tổ chức tập trung từng đợt với điều kiện tổng thời gian tập trung để hoàn thành chương trình phải bằng thời gian theo quy định. Các học phần thực hành, thực tập có thể thực hiện tại cơ sở sản xuất, kinh doanh.

9. Cuối mỗi khóa học, Trường ĐHKTCN sẽ tổ chức việc lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động đào tạo của Nhà trường về CDR của CTĐT; phương pháp kiểm tra, đánh giá; mức độ đáp ứng cơ sở vật chất phục vụ đào tạo; chất lượng phục vụ... trên cơ sở đó Nhà trường sẽ có những điều chỉnh cho phù hợp với công tác đào tạo của từng ngành học.

Điều 16. Học phần tốt nghiệp

1. Học phần tốt nghiệp của chương trình định hướng nghiên cứu là luận văn, được thực hiện trong thời gian ít nhất 06 tháng. Học phần tốt nghiệp của CTĐT định hướng ứng dụng là đề án, đồ án hoặc dự án (sau đây gọi chung là đề án), được thực hiện trong thời gian ít nhất 03 tháng.

2. Luận văn thạc sĩ là một báo cáo khoa học, tổng hợp các kết quả nghiên cứu chính của học viên, đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có đóng góp về lý luận, học thuật hoặc phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; thể hiện năng lực nghiên cứu của học viên.

b) Phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam.

c) Tuân thủ quy định của Nhà trường về liêm chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

3. Báo cáo đề án là một bản thuyết minh quá trình xây dựng, triển khai và kết quả triển khai đề án, đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đề xuất và kiểm nghiệm được mô hình, giải pháp mới để giải quyết hiệu quả những thách thức trong thực tiễn; thể hiện năng lực ứng dụng khoa học, công nghệ và giải quyết vấn đề của học viên.

b) Phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam.

c) Tuân thủ quy định của Nhà trường về liêm chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

4. Đề tài luận văn, đề án do học viên đề xuất, được người hướng dẫn đồng ý hoặc do người hướng dẫn đề xuất Trường khoa xác nhận trên cơ sở đánh giá đề cương nghiên cứu hoặc bản thuyết minh đề án của Hội đồng đánh giá đề cương trước khi gửi lên phòng Đào tạo.

5. Hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài luận văn, đề án cho học viên và cử người hướng dẫn chậm nhất 06 tháng trước khi bảo vệ luận văn, chậm nhất 03 tháng trước khi đánh giá đề án, trên cơ sở đề nghị của Trường khoa và Trường phòng Đào tạo.

6. Việc thay đổi đề tài luận văn, đề án trước khi tổ chức bảo vệ luận văn, đánh giá đề án do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đơn đề nghị của học viên, có ý kiến đồng ý của người hướng dẫn, Trường khoa và Trường phòng Đào tạo.

Điều 17. Hướng dẫn luận văn, đề án

1. Mỗi học viên có một hoặc hai người hướng dẫn luận văn, đề án, trong đó phải có một người là giảng viên cơ hữu của Trường ĐHKTCN hoặc của ĐHTN. Tại một thời điểm, một người hướng dẫn độc lập không quá 05 học viên (tính cả số học viên thực hiện luận văn và đề án); trường hợp đồng hướng dẫn 02 học viên được tính tương đương hướng dẫn độc lập 01 học viên.

2. Tiêu chuẩn của người hướng dẫn luận văn, đề án:

a) Có trình độ tiến sĩ chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo và đề tài luận văn, đề án của học viên.

b) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế.

c) Có kết quả nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài luận văn, đề án trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm được giao hướng dẫn.

d) Người có học vị tiến sĩ phải có đủ thời gian 12 tháng trở lên tính từ ngày có quyết định công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ.

Điều 18. Đánh giá luận văn, đề án

1. Luận văn, đề án được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước hội đồng. Buổi bảo vệ được tổ chức công khai.

2. Hội đồng đánh giá luận văn, đề án bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Hội đồng đánh giá luận văn, đề án có ít nhất 05 thành viên, bao gồm chủ tịch, thư ký, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên khác; trong đó ít nhất 01 ủy viên phản biện là người ngoài Trường ĐHKTCN. Buổi bảo vệ chỉ tổ chức khi hội đồng đánh giá có mặt chủ tịch, thư ký và ủy viên phản biện.

b) Tiêu chuẩn các thành viên hội đồng phải đáp ứng tiêu chuẩn như người hướng dẫn luận văn, đề án được quy định tại khoản 2 Điều 17 Quy chế này; trong đó chủ tịch hội đồng phải là giảng viên cơ hữu hoặc nghiên cứu viên cơ hữu của Trường ĐHKTCN.

c) Người hướng dẫn có thể tham gia hội đồng (trường hợp hội đồng có hơn 03 thành viên) với tư cách là ủy viên nhưng không được cho điểm đánh giá; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột của học viên không tham gia hội đồng.

3. Điều kiện để học viên được bảo vệ luận văn, đề án:

a) Đã hoàn thành tất cả các học phần của CTĐT, có điểm trung bình chung các học phần trong CTĐT đạt từ điểm C trở lên.

b) Đã nộp luận văn, đề án và được người hướng dẫn đồng ý cho bảo vệ.

c) Có đơn xin bảo vệ và cam đoan về kết quả nghiên cứu trung thực, có xác nhận về tỷ lệ sao chép không vượt quá quy định của Nhà trường.

d) Không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập.

đ) Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn, đề án.

e) Đã hoàn thành các yêu cầu khác theo quy định của Trường.

4. Buổi bảo vệ luận văn, đề án được tổ chức khi ít nhất 2/3 tổng số thành viên hội đồng đánh giá có mặt, trong đó có chủ tịch, thư ký và ít nhất 01 ủy viên phản biện. Hình thức bảo vệ trực tuyến có thể được thực hiện khi có sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và học viên; toàn bộ diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm và lưu trữ tại khoa và Nhà trường.

5. Điểm luận văn, đề án là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên hội đồng có mặt trong buổi đánh giá luận văn, đề án theo thang điểm 10 có thể lẻ đến một chữ số thập phân, gồm: điểm nội dung luận văn, đề án tối đa 9,0 điểm và điểm thành tích nghiên cứu tối đa 1,0 điểm cho những luận văn mà học viên có bài báo khoa học liên quan công bố trên danh mục tạp chí khoa học được tính điểm của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (điểm thành tích nghiên cứu được tính theo điểm của tạp chí khoa học

chia đều cho các tác giả của bài báo), hoặc đề án đã được đơn vị ứng dụng đồng ý bằng văn bản về việc chuyển giao, triển khai kết quả thực hiện đề án. Luận văn, đề án được xếp loại đạt khi có điểm đánh giá lớn hơn hoặc bằng 5,5 điểm, trong đó điểm thành phần của mỗi thành viên trong hội đồng phải đạt từ 5,0 điểm trở lên.

6. Trong trường hợp luận văn, đề án không đạt yêu cầu, học viên được chỉnh sửa, bổ sung luận văn, đề án để được đánh giá lần thứ hai trong thời hạn 03 tháng (đối với luận văn) và trong thời hạn 45 ngày (đối với đề án) tính từ ngày họp hội đồng đánh giá lần thứ nhất; không tổ chức đánh giá luận văn, đề án lần thứ ba. Hiệu trưởng có thể xem xét giao đề tài luận văn, đề án mới nếu học viên có nguyện vọng. Trong trường hợp này, không tổ chức bảo vệ lại nếu luận văn, đề án không đạt yêu cầu. Thời gian tối đa để hoàn thành CTĐT phải theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy chế này. Kinh phí cho việc chỉnh sửa, bổ sung luận văn, đề án, tổ chức đánh giá lại, thực hiện và bảo vệ đề tài luận văn, đề án mới do học viên tự chi trả.

7. Sau ngày bảo vệ luận văn, đánh giá đề án tối đa 30 ngày, học viên phải chỉnh sửa luận văn, đề án theo ý kiến góp ý của Hội đồng đánh giá luận văn, đề án có báo cáo giải trình những điểm cần bổ sung, chỉnh sửa. Luận văn, đề án đã chỉnh sửa và báo cáo giải trình phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng đánh giá luận văn, đề án. Trường hợp chủ tịch hội đồng vắng mặt, không thể thực hiện xác nhận đúng thời hạn quy định về việc luận văn, đề án đã được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng, Hiệu trưởng giao cho trưởng khoa quản lý chuyên môn kiểm tra và xác nhận thay chủ tịch hội đồng. Bản báo cáo giải trình; bản sao biên bản họp hội đồng đánh giá luận văn, đề án và các nhận xét của phản biện; văn bản của Hiệu trưởng giao nhiệm vụ cho người xác nhận thay chủ tịch hội đồng (nếu có) được đóng kèm ở cuối luận văn, đề án, nộp cho phòng chức năng quản lý đào tạo sau đại học kiểm tra, xác nhận trước khi gửi và lưu trữ tại thư viện của Trường ĐHKTCN, Trung tâm Số của ĐHTN. Toàn văn luận văn, đề án (đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của hội đồng đánh giá luận văn, đề án, nếu có) được công bố trên trang thông tin điện tử của Nhà trường trong thời gian ít nhất 30 ngày.

8. Mỗi năm Nhà trường tổ chức hai đợt chính đánh giá luận văn, đề án (không kể việc tổ chức cho những học viên phải bảo vệ lại luận văn, đề án hoặc các trường hợp đặc biệt khác). Thời gian của mỗi đợt tổ chức bảo vệ luận văn, đề án được ghi vào kế hoạch đào tạo của khóa học.

9. Nhà trường quy định cụ thể về thủ tục, nội dung, trình tự tổ chức đánh giá luận văn, đề án; hồ sơ, các biên bản về bảo vệ luận văn, đề án; yêu cầu đối với bản nhận xét luận văn, đề án; xây dựng nội dung và ban hành phiếu chấm luận văn, đề án theo thang điểm quy định; quy định cụ thể và hướng dẫn thành viên hội đồng đánh giá luận văn, đề án xem xét về chất lượng, tính hợp lệ của bài báo/ báo cáo khoa học/ đề tài nghiên cứu khoa học, đề án ứng dụng đối với chấm điểm nội dung thành tích nghiên cứu cho luận văn hoặc kết quả triển khai ứng dụng của đề án.

Điều 19. Thẩm định luận văn, đề án

1. Khi có phản ánh, khiếu nại, tố cáo hoặc trong những trường hợp khác theo yêu cầu quản lý, Giám đốc ĐHTN quyết định thành lập hội đồng thẩm định chất lượng luận văn, đề án.

2. Hội đồng thẩm định luận văn, đề án có thành phần, tiêu chuẩn như hội đồng đánh giá luận văn, đề án; các thành viên hội đồng đánh giá luận văn, đề án không tham gia hội đồng thẩm định.

3. Thẩm định luận văn, đề án

a) Trước khi họp hội đồng thẩm định, các thành viên hội đồng có bản nhận xét về sự cần thiết của việc nghiên cứu đề tài luận văn, đề án, sự phù hợp với chuyên ngành; sự không trùng lặp về đề tài, đề án, nội dung, kết quả nghiên cứu với các công trình đã được công bố; tính trung thực, minh bạch trong trích dẫn tư liệu; bố cục và hình thức trình bày; nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được; đánh giá thành công và hạn chế của luận văn, đề án, khẳng định mức độ đáp ứng yêu cầu của một luận văn, đề án.

b) Việc thẩm định luận văn, đề án được thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 5 và 7 Điều 18 Quy chế này.

c) Tác giả luận văn, đề án, người hướng dẫn, thành viên hội đồng đánh giá luận văn, đề án không tham dự phiên họp của hội đồng thẩm định, nhưng được ĐHTN thông báo và có thể gửi ý kiến, cung cấp tài liệu (nếu có) tới hội đồng thẩm định.

4. Xử lý kết quả thẩm định luận văn, đề án không đạt yêu cầu

a) Nếu hội đồng thẩm định kết luận luận văn, đề án không đạt yêu cầu thì phải dừng việc cấp bằng hoặc thu hồi, huỷ bỏ bằng thạc sĩ đã cấp (nếu có) do học viên chưa đủ điều kiện tốt nghiệp.

b) Trường hợp luận văn, đề án không đạt yêu cầu không vì lý do sao chép bất hợp pháp thì quyền và trách nhiệm của học viên giải quyết như sau:

- Trường hợp chưa bảo vệ lại luận văn hoặc đề án, đề tài luận văn hoặc đề án vẫn cần thiết thực hiện thì học viên được chỉnh sửa, bổ sung và bảo vệ lại luận văn, đề án trước hội đồng thẩm định theo quy định tại các khoản 1, 5 và 7 Điều 18 Quy chế này. Trường hợp đã hết thời gian tối đa để hoàn thành CTĐT theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy chế này thì học viên được gia hạn tối đa không quá 03 tháng;

- Trường hợp đã bảo vệ lại luận văn, đề án hoặc đề tài luận văn, đề án không cần thiết tiếp tục thực hiện, nếu học viên có nguyện vọng thì Hiệu trưởng giao đề tài luận văn, đề án mới. Trường hợp đã hết thời gian tối đa để hoàn thành CTĐT theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy chế này thì học viên được thực hiện đề tài luận văn mới trong thời gian tối đa 06 tháng hoặc đề án mới trong thời gian tối đa 03 tháng. Hiệu trưởng tổ chức đánh giá luận văn, đề án theo các quy định tại Điều 16, Điều 17 và Điều 18 Quy chế này;

- Kinh phí cho việc chỉnh sửa, bổ sung luận văn hoặc đề án, thực hiện và bảo vệ luận văn, đề án mới do học viên tự chi trả.

Điều 20. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ

1. Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp:

a) Đã hoàn thành các học phần của CTĐT và bảo vệ luận văn, đề án đạt yêu cầu.

b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo CĐR của CTĐT trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại phụ lục III của Quy chế này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ GD&ĐT công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài.

c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Nhà trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

2. Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp trong thời hạn 02 tháng tính từ ngày học viên bảo vệ thành công luận văn, đề án; tối đa thêm 03 tháng trong trường hợp phải tổ chức thẩm định luận văn, đề án.

3. Nhà trường cấp bằng thạc sĩ cho học viên trong thời hạn 03 tháng tính từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp.

4. Phụ lục văn bằng của học viên được viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh, ghi rõ: ngành, chuyên ngành, loại CTĐT (định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng), tên các học phần trong CTĐT, thời lượng của mỗi học phần, điểm học phần lần 1 và lần 2 (nếu có), điểm trung bình chung các học phần, kết quả đánh giá học phần ngoại ngữ (hoặc được miễn đánh giá học phần ngoại ngữ), tên đề tài luận văn hoặc đề án và điểm luận văn hoặc đề án.

5. Đối với các học viên không đủ điều kiện tốt nghiệp theo thời gian học tập hoặc không hoàn thành CTĐT khi đã hết thời gian đào tạo (bao gồm cả thời gian kéo dài) theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy chế này, không bị kỷ luật buộc thôi học, có đề nghị thì được Hiệu trưởng cấp chứng nhận kết quả các học phần đã tích lũy trong CTĐT.

7. Mỗi năm Nhà trường tổ chức hai đợt chính xét công nhận tốt nghiệp cho học viên thạc sĩ. Hội đồng xét tốt nghiệp do Hiệu trưởng quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của phòng Đào tạo. Hội đồng do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền làm chủ tịch; trưởng/phó phòng Đào tạo làm uỷ viên thường trực; các uỷ viên là các trưởng khoa có học viên tốt nghiệp, đại diện thanh tra đào tạo và đại diện lãnh đạo đơn vị có liên quan đến quá trình đào tạo (nếu có). Hội đồng căn cứ vào điều kiện tốt nghiệp để xét, lập danh sách những học viên đủ điều kiện, đề nghị Hiệu trưởng công nhận tốt nghiệp. Hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp gồm có: Danh sách trích ngang học viên được xét tốt nghiệp theo chuyên ngành đào tạo, được lập bởi

phòng Đào tạo và ủy viên thường trực hội đồng xét tốt nghiệp và hồ sơ cá nhân học viên được xét tốt nghiệp. Hồ sơ cá nhân của học viên bao gồm:

- a) Bản sao bằng và phụ lục văn bằng tốt nghiệp đại học.
- b) Văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định.
- c) Bảng điểm học tập của CTĐT thạc sĩ toàn khóa học.
- d) Lý lịch khoa học.
- đ) Hồ sơ bảo vệ luận văn, đánh giá đề án theo quy định của Nhà trường.
- e) Giấy chứng nhận đã nộp của Trung tâm Số ĐHTN và thư viện của Nhà trường: Luận văn hoặc đề án, tóm tắt luận văn hoặc đề án, đĩa CD-ROM lưu trữ luận văn, đề án và tóm tắt luận văn, đề án.
- g) Bản sao giấy khai sinh.
- h) Cam kết thông tin cá nhân ghi trên bằng thạc sĩ.

8. Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp, cấp bằng thạc sĩ và phụ lục văn bằng cho học viên theo đề nghị của hội đồng xét tốt nghiệp. Việc cấp phát, quản lý bằng thạc sĩ, bản sao bằng thạc sĩ phải tuân thủ quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, ĐHTN và của Nhà trường.

9. Hiệu trưởng tổ chức trao bằng cho người được cấp bằng thạc sĩ. Trong thời gian chờ thực hiện thủ tục cấp bằng, nếu có đề nghị, học viên được Hiệu trưởng cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp và bản sao phụ lục văn bằng thạc sĩ.

10. Phôi bằng thạc sĩ do ĐHTN quản lý và cấp phát vào thời gian sau đợt bảo vệ luận văn, đánh giá đề án và xét công nhận tốt nghiệp. Hồ sơ đề nghị cấp phôi bằng thạc sĩ theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy chế về việc in phôi, quản lý và cấp phát phôi văn bằng, chứng chỉ của ĐHTN ban hành kèm theo Quyết định số 2289/QĐ-ĐHTN ngày 06/11/2020 của Giám đốc ĐHTN.

Chương IV

NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC ĐỐI VỚI HỌC VIÊN

Điều 21. Nghỉ học tạm thời, thôi học

1. Học viên được phép nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

- a) Được điều động vào lực lượng vũ trang.
- b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác của quốc gia, của ngành.
- c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ sở khám, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế.

d) Vì lý do cá nhân khác nhưng phải hoàn thành ít nhất một học kỳ ở Trường và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

2. Thời gian nghỉ học tạm thời tại điểm d khoản 1 Điều này phải được tính vào thời gian tối đa để hoàn thành khóa học quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy chế này.

3. Học viên được Trường ĐHKTCN quyết định cho thôi học vì lý do cá nhân, trừ trường hợp đang bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

4. Học viên nghỉ học tạm thời/bảo lưu kết quả học tập, khi muốn trở lại học tập thì phải viết đơn gửi Hiệu trưởng thông qua phòng Đào tạo ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới và hoàn tất thủ tục ghi danh học tập.

Điều 22. Chuyển cơ sở đào tạo, chuyển nơi học và chuyển CTĐT

1. Học viên được xét chuyển cơ sở đào tạo, chuyển nơi học và chuyển CTĐT nếu đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đạt điều kiện trúng tuyển của CTĐT xin chuyển đến và cơ sở đào tạo xin chuyển đến có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT.

b) Đối với chuyển cơ sở đào tạo phải được sự đồng ý của Hiệu trưởng cơ sở đào tạo xin chuyển đi và Hiệu trưởng Trường ĐHKTCN xin chuyển đến.

d) Còn đủ thời gian để hoàn thành CTĐT theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy chế này và không đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

2. Việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy đối với học viên thuộc các trường hợp chuyển cơ sở đào tạo, chuyển CTĐT phải bảo đảm quy định tại Điều 4 Quy chế này.

3. Hồ sơ, thủ tục chuyển đi, chuyển đến

Giám đốc ĐHTN xem xét và ra quyết định cho phép học viên chuyển đi hoặc tiếp nhận học viên chuyển đến ĐHTN tiếp tục học tập, trên cơ sở báo cáo, đề nghị của Hiệu trưởng và hồ sơ xin chuyển cơ sở đào tạo của học viên. Hồ sơ, thủ tục chuyển đi, chuyển đến gồm:

a) Học viên xin chuyển đi: Học viên phải có đơn xin chuyển cơ sở đào tạo, được Hiệu trưởng Trường ĐHKTCN cho phép chuyển đi và ký tên, đóng dấu xác nhận; có văn bản đồng ý tiếp nhận của Thủ trưởng cơ sở đào tạo xin chuyển đến.

b) Học viên xin chuyển đến ĐHTN: Học viên phải có đơn xin chuyển đến, có ý kiến cho phép chuyển đi của Thủ trưởng cơ sở đang đào tạo học viên và ký tên, đóng dấu xác nhận, có ý kiến đồng ý tiếp nhận và ký tên, đóng dấu xác nhận của Hiệu trưởng Trường ĐHKTCN, kèm theo các giấy tờ sau: Hồ sơ học viên, bản sao quyết định công nhận học viên của Thủ trưởng cơ sở tuyển học viên, giấy xác nhận kết quả những học phần đã học. Học viên xin chuyển cơ sở đào tạo phải có giấy xác nhận

chuyển nơi cư trú đến tỉnh khác của chính quyền địa phương hoặc quyết định tuyển dụng, điều động công tác của cấp có thẩm quyền.

4. Chuyển chương trình đào tạo

Trong thời gian học tập, học viên được phép chuyển CTĐT một lần, khi có đơn xin chuyển chương trình với lý do chính đáng. Việc cho phép chuyển CTĐT do Hiệu trưởng quyết định và chỉ giải quyết cho học viên trước khi bắt đầu học các học phần kiến thức chuyên ngành.

5. Những trường hợp thay đổi khác do Giám đốc ĐHTN xem xét, giải quyết trên cơ sở đề nghị của Hiệu trưởng.

Điều 23. Trao đổi học viên và hợp tác trong đào tạo

1. Trường ĐHKTCN được trao đổi học viên với cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài (sau đây gọi là cơ sở đào tạo phối hợp) theo yêu cầu sau:

- a) Cơ sở đào tạo trong nước phải được phép đào tạo cùng ngành ở trình độ thạc sĩ.
- b) Cơ sở đào tạo ở nước ngoài phải là cơ sở giáo dục đại học, được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục nước sở tại công nhận về chất lượng, cho phép đào tạo và cấp bằng thạc sĩ trong nhóm ngành tương ứng.

2. Nguyên tắc thực hiện trao đổi học viên:

- a) Hiệu trưởng hai cơ sở đào tạo đồng ý.
- b) Số lượng tín chỉ học viên theo học ở cơ sở đào tạo phối hợp được công nhận không quá 25% tổng số tín chỉ của CTĐT học viên đang theo học và bảo đảm quy định tại Điều 4 Quy chế này.

3. Nhà trường quy định chi tiết về điều kiện, quy trình thực hiện trao đổi học viên; công nhận tín chỉ học viên đã tích lũy khi thực hiện CTĐT ở cơ sở đào tạo phối hợp và công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường.

Chương V

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TRƯỜNG ĐHKTCN, GIẢNG VIÊN VÀ HỌC VIÊN

Điều 24. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trường ĐHKTCN

1. Xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm đối với ngành đang đào tạo, báo cáo ĐHTN đúng thời gian quy định.

2. Xây dựng CTĐT, biên soạn, xuất bản, lựa chọn giáo trình, xây dựng và triển khai kế hoạch giảng dạy đối với các ngành đã tuyển sinh; chuẩn bị điều kiện về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, điều tra nhu cầu xã hội và lập hồ sơ đăng ký đào tạo ngành, chuyên ngành mới.

3. Tổ chức, quản lý, triển khai CTĐT ngành, chuyên ngành theo kế hoạch năm học, khóa học đã được phê duyệt; quản lý việc học tập và nghiên cứu khoa học, kể cả đối với giờ tự học của học viên.

4. Xét điều kiện và ra quyết định công nhận học viên tốt nghiệp; cấp văn bằng, phụ lục văn bằng thạc sĩ, cấp bản sao văn bằng cho người tốt nghiệp (nếu có nhu cầu); quản lý văn bằng, lập và quản lý sổ gốc cấp phát văn bằng thạc sĩ và sổ cấp bản sao theo quy định hiện hành; cấp chứng nhận tốt nghiệp hoặc chứng nhận hoàn thành CTĐT trình độ thạc sĩ theo quy định.

5. Tổ chức thanh tra, kiểm tra nội bộ, đánh giá và công bố công khai kết quả tự đánh giá chất lượng đào tạo; đăng ký tham gia kiểm định CTĐT thạc sĩ với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được Bộ GD&ĐT công nhận.

6. Công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường: Các văn bản quy định và thông tin về tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ; danh mục ngành, chuyên ngành đào tạo, kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm cho các ngành đã được phép đào tạo; CTĐT, kế hoạch giảng dạy; danh sách học viên trúng tuyển, tốt nghiệp và được cấp bằng thạc sĩ theo từng khóa học; toàn văn các luận văn, đề án đã đánh giá đạt yêu cầu theo từng ngành, chuyên ngành đào tạo và các đề tài luận văn, đề án đang được thực hiện; cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng (gồm đội ngũ giảng viên giảng dạy và hướng dẫn luận văn, đề án; cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành, chuyên ngành) và các khoản thu, chi tài chính đối với người học và các thông tin khác theo quy định.

7. Thực hiện đầy đủ chế độ lưu trữ và báo cáo theo quy định tại Điều 31 Quy chế này.

8. Bồi hoàn học phí cho học viên nếu Nhà trường vi phạm Quy chế này hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật dẫn đến học viên không được cấp bằng.

9. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Giảng viên giảng dạy trình độ thạc sĩ

1. Giảng viên giảng dạy trình độ thạc sĩ bao gồm giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng, được phân công nhiệm vụ giảng dạy học phần trong CTĐT trình độ thạc sĩ hoặc hướng dẫn học viên thực hành, thực tập, thực hiện đề tài luận văn, đề án.

2. Ngoài các tiêu chuẩn giảng viên đại học quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, giảng viên tham gia giảng dạy các học phần lý thuyết CTĐT thạc sĩ phải có học vị tiến sĩ, tiến sĩ khoa học hoặc có chức danh giáo sư, phó giáo sư; giảng viên giảng dạy học phần ngoại ngữ cho các chuyên ngành không chuyên ngôn ngữ nước ngoài, giảng viên giảng dạy học phần triết học hoặc người hướng dẫn thực hành, thực tập phải có học vị từ thạc sĩ trở lên.

3. Giảng viên thỉnh giảng và báo cáo viên (các chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân, ... ở trong nước và nước ngoài) tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ phải đảm bảo

tiêu chuẩn theo các quy định hiện hành, phải là chuyên gia có uy tín trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành đào tạo.

Điều 26. Nhiệm vụ và quyền hạn của giảng viên giảng dạy trình độ thạc sĩ; nhiệm vụ và quyền hạn của người hướng dẫn luận văn, đề án

1. Nhiệm vụ và quyền hạn của giảng viên giảng dạy trình độ thạc sĩ

a) Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kế hoạch, CTĐT, các quy định hiện hành của ĐHTN, Trường ĐHKTCN và của Nhà nước liên quan đến đào tạo trình độ thạc sĩ.

b) Thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn, giúp đỡ học viên trong học tập và nghiên cứu khoa học.

c) Thường xuyên nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

d) Được hưởng các chính sách đối với giảng viên giảng dạy trình độ thạc sĩ theo quy định của Nhà nước và của Trường ĐHKTCN.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của người hướng dẫn luận văn, đề án

a) Hướng dẫn học viên xây dựng và thực hiện kế hoạch nghiên cứu đề tài luận văn, đề án.

b) Theo dõi, kiểm tra và đôn đốc học viên nghiên cứu khoa học, thực hành, thực tập theo yêu cầu của đề tài luận văn, đề án.

c) Từ chối không hướng dẫn học viên và thông báo bằng văn bản cho Trường ĐHKTCN trong các trường hợp: Đã hướng dẫn đủ số lượng tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Quy chế này; sau 01 tháng kể từ ngày nhận quyết định cử người hướng dẫn mà học viên không liên hệ hoặc không tuân thủ sự hướng dẫn hoặc không hoàn thành kế hoạch nghiên cứu mà không có lý do chính đáng.

d) Xác nhận kết quả nghiên cứu và duyệt luận văn, đề án của học viên; đề nghị và chịu trách nhiệm về việc đề nghị Nhà trường cho học viên bảo vệ luận văn, đánh giá đề án nếu thấy đáp các ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Quy chế này; hướng dẫn học viên sửa chữa luận văn, đề án và xác nhận về việc luận văn, đề án đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng đánh giá luận văn, đề án trong thời gian quy định để đảm bảo điều kiện xét tốt nghiệp cho học viên.

Điều 27. Nhiệm vụ và quyền hạn của học viên

1. Hoàn thành CTĐT; chấp hành pháp luật; nội quy, quy chế, quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường ĐHKTCN, ĐHTN và của Nhà nước.

2. Thực hiện kế hoạch nghiên cứu đề tài luận văn, đề án đã được người hướng dẫn duyệt; thường xuyên báo cáo người hướng dẫn về tiến độ và kết quả thực hiện luận văn, đề án.

3. Đóng học phí, bao gồm cả phần học phí tăng thêm do phải học bổ sung, học lại, bảo vệ luận văn hoặc đánh giá đề án lần thứ hai hoặc thực hiện đề tài luận văn hoặc đề án mới theo quy định hợp pháp của Trường ĐHKTCN và của ĐHTN.

4. Tôn trọng giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức, nhân viên của Trường ĐHKTCN và của ĐHTN.

5. Được tôn trọng, đối xử bình đẳng và được cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến việc học tập.

6. Được sử dụng thư viện, tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm, trang thiết bị và cơ sở vật chất của Trường ĐHKTCN, ĐHTN theo quy định cho việc học tập, nghiên cứu.

7. Được đề nghị Hiệu trưởng thay người hướng dẫn luận văn, đề án nếu sau 01 tháng, kể từ khi nhận được quyết định giao đề tài luận văn, đề án và cử người hướng dẫn mà học viên không liên hệ được với người hướng dẫn hoặc không được hướng dẫn thực hiện đề tài luận văn, đề án.

8. Được phản hồi ý kiến với người có thẩm quyền của Trường ĐHKTCN và ĐHTN về CTĐT, về hoạt động giảng dạy của giảng viên và các hoạt động liên quan đến quá trình tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ.

9. Được tham gia hoạt động đoàn thể, tổ chức xã hội trong Trường và ĐHTN.

10. Được bồi hoàn học phí nếu học viên không có lỗi, do vi phạm của Nhà trường dẫn đến việc không được cấp bằng thạc sĩ.

11. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Chương VI

KHIẾU NẠI, TỔ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 28. Khiếu nại, tố cáo

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và học viên có quyền khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm quy chế của ĐHTN, Trường ĐHKTCN, giảng viên, cán bộ quản lý và học viên.

2. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại, Luật tố cáo.

Điều 29. Thanh tra, kiểm tra

Hiệu trưởng có trách nhiệm tổ chức tự kiểm tra, thanh tra nội bộ việc thực hiện kế hoạch, chương trình, quy chế đào tạo và các vấn đề khác liên quan đến quá trình đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường.

Điều 30. Xử lý vi phạm

1. Học viên có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm. Học viên thi hộ, học hộ hoặc nhờ người thi

hộ, học hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

2. Học viên vi phạm một trong các quy định sau đây sẽ bị buộc thôi học; bằng thạc sĩ nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, hủy bỏ theo quy định của Bộ GD&ĐT:

a) Có hành vi gian lận trong tuyển sinh, học tập, bảo vệ luận văn, đánh giá đề án hoặc gian lận trong việc làm hồ sơ để được cấp văn bằng, chứng chỉ; sử dụng văn bằng, chứng chỉ giả trong hồ sơ tuyển sinh.

b) Sử dụng kết quả của người khác hoặc sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận văn, đề án và bị hội đồng thẩm định kết luận nếu cắt bỏ những phần sử dụng, sao chép, trích dẫn đó thì luận văn, đề án không đạt yêu cầu.

c) Nhờ hoặc thuê người khác làm hộ luận văn, đề án.

3. Viên chức, người lao động của Trường ĐHKTCN tham gia quản lý, giảng dạy, hướng dẫn, đánh giá luận văn hoặc đề án nếu vi phạm Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị tạm dừng việc giảng dạy, hướng dẫn luận văn hoặc đề án, tham gia hội đồng đánh giá luận văn hoặc đề án trong thời hạn tối thiểu 01 năm, bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Nếu giảng viên thỉnh giảng, giảng viên của Nhà trường hoặc của đơn vị khác thuộc ĐHTN vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ, hành vi vi phạm sẽ bị đình chỉ, chấm dứt hợp đồng tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ 01 năm hoặc vĩnh viễn, hoặc bị thay thế khỏi danh sách hội đồng đánh giá luận văn hoặc đề án và dừng tham gia đánh giá luận văn hoặc đề án của đợt đó, hoặc lâu dài hoặc vĩnh viễn, trường hợp cần thiết sẽ kết hợp thông báo bằng văn bản cho thủ trưởng cơ quan quản lý cán bộ của người vi phạm về hành vi vi phạm để xử lý theo quy định.

4. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm xử lý viên chức, người lao động, học viên vi phạm và báo cáo ĐHTN, thông báo tới cơ quan chủ quản/ đơn vị/ địa phương nơi người bị xử lý đang làm việc, cư trú.

Điều 31. Chế độ lưu trữ, báo cáo và công khai thông tin

1. Phòng Đào tạo có trách nhiệm hoàn thiện cơ sở dữ liệu nội bộ và cập nhật đầy đủ, chính xác dữ liệu về đào tạo thạc sĩ vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học; xuất dữ liệu tổng hợp báo cáo từ hệ thống, ký xác nhận của Trường, gửi cho ĐHTN và Bộ GD&ĐT trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

2. Lưu trữ và bảo quản hồ sơ theo quy định hiện hành về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành.

3. Công khai trên trang thông tin điện tử của Trường đầy đủ các thông tin cho từng CTĐT.

4. Thường xuyên cập nhật thông tin công khai trên trang thông tin điện tử của Trường ĐHKTCN:

a) Thống kê số lượng học viên trúng tuyển, đang học, thôi học và tốt nghiệp theo từng khóa, từng ngành, CTĐT và hình thức đào tạo.

b) Kế hoạch giảng dạy, thời khóa biểu của từng lớp học; tên đề tài, đề án và tóm tắt nội dung các luận văn, đề án có thông tin học viên, người hướng dẫn và ngày bảo vệ luận văn, đề án (trừ các đề tài luận văn, đề án thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của Nhà nước).

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Quy định chuyển tiếp

1. Quy chế này áp dụng cho các khóa tuyển sinh trình độ thạc sĩ sau ngày 15 tháng 10 năm 2021.

2. Việc tổ chức đào tạo đối với các khóa đã tuyển sinh trước ngày 15 tháng 10 năm 2021 tiếp tục thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, Quyết định số 1131/QĐ-ĐHTN ngày 30/7/2014 của Giám đốc ĐHTN ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ, Quyết định số 439/QĐ-ĐHKTCN ngày 06/02/2020 của Trường ĐHKTCN ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ.

Điều 33. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ Quy chế này và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan, các đơn vị có trách nhiệm:

a) Thực hiện trách nhiệm trong công tác đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định tại Điều 50 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

b) Tăng cường liên chính học thuật; giám sát và kiểm soát việc chống sao chép; xây dựng chế tài, nghiêm túc xử lý khi có vi phạm; bảo đảm tính trung thực của nội dung những luận văn, đề án và những chuyên đề nghiên cứu khác.

c) Xây dựng chính sách thúc đẩy bình đẳng giới trong đào tạo thạc sĩ nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, cá nhân kịp thời phản ánh về Trường ĐHKTCN (qua phòng Đào tạo) để báo cáo Hiệu trưởng xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

PHỤ LỤC I

(Kèm theo Quyết định số 1972 /QĐ-ĐHKTCN ngày 16 tháng 6 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp)

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ

1. Thông tin chung về đơn vị đào tạo

- 1.1. Tên trường, địa chỉ trang thông tin điện tử của đơn vị đào tạo
- 1.2. Thông tin về tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ của đơn vị đào tạo cho đến thời điểm xây dựng đề án (số lượng ngành/chuyên ngành đào tạo, quy mô người học, các kết quả nghiên cứu)
- 1.3. Những thông tin cần thiết khác

2. Các nội dung cụ thể của đề án

- 2.1. Đối tượng tuyển sinh
- 2.2. Phương thức tuyển sinh
- 2.3. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành hoặc chuyên ngành
- 2.4. Điều kiện và năng lực nghiên cứu khoa học của đơn vị đào tạo: các hướng nghiên cứu, các đề tài nghiên cứu đang triển khai, các điều kiện hỗ trợ nghiên cứu
- 2.5. Tổ chức tuyển sinh: thời gian và số lần tuyển sinh/năm
- 2.6. Chính sách ưu tiên: ưu tiên đối với các đối tượng theo quy định
- 2.7. Học phí và chính sách hỗ trợ tài chính
- 2.8. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

- 3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu
- 3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu đủ điều kiện hướng dẫn học viên thạc sĩ theo các ngành hoặc chuyên ngành
- 3.3. Các dự án nghiên cứu hợp tác với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và doanh nghiệp trong và ngoài nước
- 3.4. Kiểm định chất lượng
- 3.5. Các điều kiện đảm bảo chất lượng khác

4. Những thông tin cần thiết khác

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC II

(Kèm theo Quyết định số 1972 /QĐ-ĐHKTCN ngày 16 tháng 6 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp)

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Đợt tuyển sinh tháng năm

1. Họ và tên người dự tuyển: 2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐
3. Sinh ngày..... tháng.....năm..... 4. Nơi sinh:
5. Nơi ở hiện nay:
6. Đối tượng dự tuyển: Công chức, viên chức được cử đi học ☐ Đối tượng khác ☐
7. Đơn vị công tác:
8. Nghề nghiệp, chức vụ hiện tại:
9. Thâm niên công tác chuyên môn từ khi tốt nghiệp đại học:
10. Thuộc diện cán bộ: Biên chế: ☐ Hợp đồng: ☐
11. Văn bằng đại học: Trường tốt nghiệp (TN).....
Hệ đào tạo:Ngành đào tạo.....Năm TN.....Loại TN.....
12. Văn bằng đại học khác (nếu có):
13. Đăng ký học bổ sung kiến thức (nếu có)
14. Chuyên ngành đăng ký dự tuyển:
15. Minh chứng năng lực ngoại ngữ:
16. Công trình nghiên cứu khoa học:
17. Địa chỉ liên hệ.....

Số điện thoại liên hệ của người dự tuyển:

Tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ quy định của Hội đồng tuyển sinh, chấp hành đúng quy chế tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ. Nếu trúng tuyển tôi sẽ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người học theo quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Đại học Thái Nguyên.

Ngày tháng.....năm.....

Người đăng ký dự tuyển

PHỤ LỤC III

(Kèm theo Quyết định số 1972 /QĐ-ĐHKTCN ngày 16 tháng 6 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp)

Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương
Bậc 3 và Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL IBT	30÷45	46÷93
		TOEFL ITP	450÷499	
		IELTS	4.0÷5.0	5.5÷6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275÷399 Đọc: 275÷384 Nói: 120÷159 Viết: 120÷149	Nghe: 400÷489 Đọc: 385÷454 Nói: 160÷179 Viết: 150÷179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300÷399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400÷499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранным	ТРКИ-1	ТРКИ-2

PHỤ LỤC IV

(Kèm theo Quyết định số 1972 /QĐ-ĐHKTCN ngày 16 tháng 6 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp)

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM

1. Danh sách giảng viên cơ hữu là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ

(Ghi toàn bộ danh sách và ghi rõ những người tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ, gồm cả thạc sĩ giảng dạy triết học, ngoại ngữ, hướng dẫn thực hành, thực tập, luận văn – nếu có theo bảng dưới đây)

TT	Họ và tên	Chức danh, học vị	Chuyên ngành tốt nghiệp tiến sĩ	Tên học phần giảng dạy/hướng dẫn thực hành, thực tập, hướng dẫn luận văn

2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ

TT	Họ và tên	Chức danh, học vị	Chuyên ngành tốt nghiệp tiến sĩ, cơ quan công tác	Tên học phần giảng dạy/hướng dẫn thực hành, thực tập, hướng dẫn luận văn

3. Thực hiện kế hoạch tuyển sinh

Ngành, chuyên ngành	Chỉ tiêu thông báo	Đăng ký dự thi	Trúng tuyển	Nhập học			Ghi chú
				Tập trung toàn bộ thời gian	Tập trung theo đợt	Tổng số	
...							
Tổng số							

4. Số học viên hiện có (bao gồm cả số mới tuyển) và dự kiến tốt nghiệp

Khóa học	Số, ngày quyết định công nhận trúng tuyển	Số học viên hiện có			Số học viên dự kiến tốt nghiệp năm ... (năm sau)			Ghi chú
		Tập trung toàn bộ thời gian	Tập trung theo đợt	Tổng số	Tập trung toàn bộ thời gian	Tập trung theo đợt	Tổng số	

5. Đăng ký tuyển sinh năm (năm sau)

- Số lần tuyển sinh:
- Chỉ tiêu tuyển sinh: (theo từng chuyên ngành và mỗi đợt tuyển sinh)

6. Kiến nghị, đề xuất

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)